

BÁO CÁO VỀ THAY ĐỔI GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG
REPORT ON CHANGE OF NET ASSET VALUE

1 Công ty quản lý quỹ: Fund Management Company:	CTCP Quản lý Quỹ Đầu Tư Dragon Capital Việt Nam Dragon Capital Vietfund Management Joint Stock Company
2 Ngân hàng giám sát: Supervising bank:	Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam-CN TP.HCM Joint Stock Commercial Bank for Foreign Trade of Vietnam-HCMC Branch
3 Tên Quỹ: Fund name:	QUỸ ETF DCVFMVN DIAMOND (FUEVFNVD) DCVFMVN DIAMOND ETF (FUEVFNVD)
4 Kỳ báo cáo: Reporting period:	Từ ngày 26/01/2024 đến ngày 01/02/2024 From 26 Jan 2024 to 01 Feb 2024
5 Ngày lập báo cáo: Reporting Date:	02/02/2024 02 Feb 2024

Đơn vị tính/Currency: VND

STT NO	CHỈ TIÊU CRITERIA	Mã số Item No	KỲ BÁO CÁO THIS PERIOD 01/02/2024	KỲ TRƯỚC LAST PERIOD 25/01/2024
A	Giá trị tài sản ròng/ Net asset value	2100		
A.1	Giá trị đầu kỳ/ Opening balance	2101		
	Của quỹ/ of fund	2101.1	17,019,461,229,259	17,048,353,196,306
	Của một lô chứng chỉ quỹ/ per lot	2101.2	2,717,027,654	2,713,841,642
	Của một chứng chỉ quỹ/ per certificate	2101.3	27,170.27	27,138.41
A.2	Giá trị tài sản ròng cuối kỳ/ Closing balance	2102		
	Của quỹ/ of fund	2102.1	17,013,397,348,875	17,019,461,229,259
	Của một lô chứng chỉ quỹ/ per lot	2102.2	2,736,152,677	2,717,027,654
	Của một chứng chỉ quỹ/ per certificate	2102.3	27,361.52	27,170.27
A.3	Thay đổi giá trị tài sản ròng trong kỳ, trong đó	2103		
	Change of net asset value during the period, in which			
	Thay đổi do các hoạt động liên quan đến đầu tư của quỹ trong kỳ	2103.1	119,514,234,260	20,286,887,018
	Change due to investment activities during the period			
	Thay đổi do mua lại, phát hành thêm chứng chỉ quỹ trong kỳ	2103.2	(125,578,114,644)	(49,178,854,065)
	Change due to subscription, redemption during the period			
	Thay đổi do việc phân phối thu nhập của quỹ cho các nhà đầu tư trong kỳ	2103.3		
	Change due to profit distribution to investors during the period			
A.4	Thay đổi giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ so với kỳ trước	2104	191.25	31.86
	Change of net asset value per certificate in comparison to previous period			
A.5	Giá trị tài sản ròng cao nhất/thấp nhất trong vòng 52 tuần gần nhất	2105		
	Highest/lowest net asset value within the nearest 52 weeks			
	Giá trị cao nhất/ Highest value (VND)	2105.1	21,361,637,016,153	21,361,637,016,153
	Giá trị thấp nhất/ Lowest value (VND)	2105.2	16,349,043,616,804	16,349,043,616,804
A.6	Tỷ lệ sở hữu nước ngoài (không áp dụng với quỹ niêm yết)	2106		
	Foreign investors' ownership ratio (not applicable for listed fund)			
	Số lượng chứng chỉ quỹ/ Number of Fund Certificates	2106.1		
	Tổng giá trị/ Total value	2106.2		
	Tỷ lệ sở hữu/ Ownership ratio	2106.3		
B	Giá trị thị trường (giá đóng cửa cuối phiên giao dịch trong ngày báo cáo) của một chứng chỉ quỹ	2107		
	Market price (closing price of last session within the reporting day) of a certificate			
B.1	Giá trị đầu kỳ/ Opening balance	2108	27,100	27,030
B.2	Giá trị cuối kỳ/ Closing balance	2109	27,300	27,100
B.3	Thay đổi giá trị thị trường trong kỳ so với kỳ trước	2110	200	70
B.4	Chênh lệch giữa giá thị trường của một chứng chỉ quỹ và giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ	2111		
	Variance between market price and net asset value of one fund certificate			
	Chênh lệch tuyệt đối/ Absolute variance (VND)	2111.1	(61.52)	(70.27)
	Chênh lệch tương đối (mức độ chiết khấu (-)/thặng dư (+)) Relative variance (discount (-)/surplus (+))	2111.2	(0.22)%	(0.26)%
B.5	Giá trị thị trường cao nhất/thấp nhất trong vòng 52 tuần gần nhất	2112		
	Highest/lowest market value within the nearest 52 weeks			
	Giá trị cao nhất/ Highest value (VND)	2112.1	27,830	27,830
	Giá trị thấp nhất/ Lowest value (VND)	2112.2	21,700	21,700

Đại diện có thẩm quyền của Ngân Hàng Giám Sát
 Authorised Representative of Supervisory Bank



NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM-CN TP.HCM
 Trưởng Phòng DVKHTC2
 Hoàng Thị Quỳnh Hoa

Đại diện có thẩm quyền của Công ty Quản lý Quỹ
 Authorised Representative of Fund Management Company



CTCP QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ DRAGON CAPITAL VIỆT NAM
 Quyền Giám đốc Nghiệp vụ hỗ trợ đầu tư
 Lê Hoàng Anh